

Số: /KH-BCĐ

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 do Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ đợt 146, 147 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Thực hiện tiếp theo Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Kế hoạch số 765/KH-BCĐ ngày 12/12/2021 của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai về việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều bổ sung và liều nhắc lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021-2022

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-VSDTTU ngày 16/5/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 147.

Thực hiện Công văn số 2357/BYT-DP ngày 09/5/2022 của Bộ Y tế về việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều nhắc lại lần 2 (mũi 4).

Thực hiện Công điện số 665/CD-BYT ngày 17/5/2022 của Bộ Y tế về việc triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi và mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên.

Thực hiện Công văn số 1570/VP-KGVX ngày 23/5/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc đồng ý Kế hoạch phân phối và sử dụng 117.000 liều vắc xin Pfizer do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ cho Gia Lai đợt 146,147.

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch tỉnh Gia Lai phân bổ vắc xin đến các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tiêm vắc xin cho các công dân trên 12 tuổi đang cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC TIÊU

- Hoạt động tiêm chủng thực hiện theo Kế hoạch đã được Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai phê duyệt.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Vắc xin, Đối tượng, phạm vi, thời gian, địa điểm triển khai

1.1. Vắc xin

Theo Quyết định số 443 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Vắc xin Prifer:

Số liệu nhận đợt 147: 117.000 liều (lô: 1F1039A và lô 1F1040A, HSD 30/6/2022), Ngày rã đông: Hiện bảo quản độ âm tại Viện Tây Nguyên

Vắc xin phân bổ đến các điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục II kèm theo*).

1.2. Đối tượng triển khai:

- **Tiêm Mũi 1:** Tiếp tục rà soát tiêm người trên 12 tuổi chưa tiêm mũi nào theo hướng dẫn Bộ Y tế.

- **Trả Mũi 2:** Cho người đã tiêm mũi 1 vắc xin AstraZeneca, PfiZer và Moderna.

- **Tiêm Mũi 3:** Theo hướng dẫn Công văn 10722 của Bộ Y tế.

+ **Liều tiêm bổ sung (liều cơ bản)** Khoảng cách từ 28 ngày đến 3 tháng.

+ **Liều nhắc lại lần 1 (mũi 3).**

+ **Liều nhắc lại lần 2 (mũi 4):** Theo hướng dẫn Công văn số 2357/BYT-DP.

Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập danh sách đối tượng theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 của các huyện, thị xã, thành phố.

1.3. Phạm vi triển khai

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ban chỉ đạo phòng, chống dịch mở rộng điểm tiêm tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

1.4. Thời gian, địa điểm

- Thời gian:

+ Triển khai kết thúc trước ngày **15/6/2022**.

- Địa điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

2. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin, vật tư

- Theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Tập huấn cho cán bộ y tế về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn.

4. Truyền thông về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Thời gian thực hiện: Trước, trong và sau khi triển khai tiêm chủng.

5. Tổ chức tiêm chủng

5.1. Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại địa phương

Thực hiện các quy trình lập kế hoạch, tổ chức tiêm chủng, theo dõi sau tiêm, ứng dụng CNTT theo các hướng dẫn của Sở Y tế và Tiểu ban Ứng dụng CNTT và Truyền thông của Ban chỉ đạo tiêm chủng tỉnh Gia Lai.

5.2. Đơn vị tổ chức điểm tiêm chủng

Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng và hạn chế các sự cố trong tiêm chủng.

6. Kế hoạch buổi tiêm chủng

Đảm bảo công tác an toàn tiêm chủng, bố trí nhân lực đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng. Hoàn thành mũi 3 trong quý II/2022.

7. Công tác đảm bảo tiêm chủng

- Đảm bảo vệ sinh phòng, chống dịch.
- Giám sát điểm tiêm chủng.
- Quản lý bơm kim tiêm và rác thải y tế sau buổi tiêm.
- Hàng ngày báo cáo kết quả triển khai tiêm chủng và phản ứng sau tiêm.

8. Trách nhiệm từng đơn vị

8.1. Đối với cơ sở tiêm chủng

- Xếp lịch tiêm, thông báo đến từng địa phương và đơn vị được tiêm vắc xin. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai tiêm chủng phải quản lý **đối tượng tiêm trên phần tiêm vắc xin COVID-19**.

8.2. Địa phương triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19

Ủy ban nhân dân huyện thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn có trách nhiệm thông báo các đơn vị tham gia và phối hợp cùng cán bộ y tế, tổ chức tiêm phòng vắc xin COVID-19.

Trên đây là Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 đợt 147 trên địa bàn tỉnh Gia Lai Trung tâm Y tế huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Y tế dự phòng;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Các thành viên BCD phòng, chống dịch của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu: VT, BCD.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Đình Tuấn
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

Phụ lục I

KẾT QUẢ**TIÊM VẮC XIN COVID MŨI NHẮC LẠI LẦN I**

TT	Tên đơn vị hành chính	Số đối tượng	Đã Tổng số mũi 3 (mũi bổ sung + mũi nhắc lại)	Đã Mũi 2 Verocell	Đã Mũi bổ sung	Đã Mũi nhắc lại	ĐT chưa tiêm nhắc lại lần I	Tỷ lệ bổ sung	Mũi nhắc lại lần I đạt tỷ lệ %
1	Đăk Đoa	74.795	58.513	11539	11539	46.974	25.039	15,4	62,8
2	Đăk Pơ	26.352	18.349	4334	4334	14.015	12.337	16,4	53,2
3	Mang Yang	42.874	32.219	6820	6820	25.399	17.475	15,9	59,2
4	Kông Chro	30.634	23.639	6586	6586	17.053	13.581	21,5	55,7
5	Đức Cơ	45.218	26.296	7235	7235	19.061	26.157	16,0	42,2
6	Chư Sê	70.126	46.122	19330	19330	26.792	43.334	27,6	38,2
7	Tp Pleiku	180.101	139.483	97766	97766	41.717	138.384	54,3	23,2
8	Krông Pa	52.472	34.461	8790	8790	25.671	26.801	16,8	48,9
9	Tx AYun Pa	25.357	19.387	11345	11345	8.042	17.315	44,7	31,7
10	KBang	42.581	31.948	7189	7189	24.759	17.822	16,9	58,1
11	Chư Păh	48.761	26.949	7510	7510	19.439	29.322	15,4	39,9
12	Chư Prông	78.160	55.001	13254	13254	41.747	36.413	17,0	53,4
13	Tx An Khê	46.704	38.492	18455	18455	20.037	26.667	39,5	42,9
14	Chư Puh	40.363	26.913	13280	13280	13.633	26.730	32,9	33,8
15	Phú Thiện	45.902	24.739	7720	7720	17.019	28.883	16,8	37,1
16	Ia Grai	76.199	49.657	12436	12436	37.221	38.978	16,3	48,8
17	Ia Pa	37.006	18.347	5532	5532	12.815	24.191	14,9	34,6
Tổng cộng		963.605	670.515	259.121	259.121	411.394	549.429	26,9	42,7

Phụ lục II

PHÂN PHỐI VẮC XIN COVID ĐỢT 147
Theo Quyết định 443/QĐ-VSDTTU'

TT	Tên đơn vị hành chính	Số đối tượng	Phân phối vắc xin Pfizer HSD 30/6/2022		Bơm kim tiêm, hộp an toàn		
			Số liều	Số lọ	BKT 0,3ml	BKT 3&5 ml	HAT
1	Huyện Đắk Đoa	74.795	5.400	900	5.400	900	63
2	Huyện Đắk Pơ	26.352	2.598	433	2.598	433	30
3	Huyện Mang Yang	42.874	3.702	617	3.702	617	43
4	Huyện Kông Chro	30.634	2.898	483	2.898	483	34
5	Huyện Đức Cơ	45.218	5.598	933	5.598	933	65
6	Huyện Chư Sê	70.126	9.402	1.567	9.402	1.567	110
7	Thành phố Pleiku	180.101	28.998	4.833	28.998	4.833	338
8	Huyện Krông Pa	52.472	6.402	1.067	6.402	1.067	75
9	Thị xã AYun Pa	25.357	3.702	617	3.702	617	43
10	Huyện KBang	42.581	3.798	633	3.798	633	44
11	Huyện Chư Păh	48.761	6.300	1.050	6.300	1.050	74
12	Huyện Chư Prông	78.160	7.902	1.317	7.902	1.317	92
13	Thị xã An Khê	46.704	5.700	950	5.700	950	67
14	Huyện Chư Puh	40.363	5.802	967	5.802	967	68
15	Huyện Phú Thiện	45.902	5.898	983	5.898	983	69
16	Huyện Ia Grai	76.199	8.400	1.400	8.400	1.400	98
17	Huyện Ia Pa	37.006	4.500	750	4.500	750	53
	Tổng cộng	963.605	117.000	19.500	117.000	19.500	1.365